

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020

Số: 245 /QĐ-ĐHSPTDTHN

QUYẾT ĐỊNH

V/v : Công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học Đại học Chính quy
liên thông từ Cao đẳng lên Đại học, khoá 14 (đợt 1), ngành GDTC, năm 2020.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TĐTT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học quy định trách nhiệm và quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg Hà Nội, ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về đào tạo liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 168 /QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 05/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội về việc công nhận trúng tuyển Đại học Chính quy, liên thông từ Cao đẳng lên Đại học, khoá 14 (đợt 1), ngành Giáo dục Thể chất, năm 2020;

Xét đề nghị của ông (bà) Trưởng phòng Quản lý Đào tạo & CTSV,

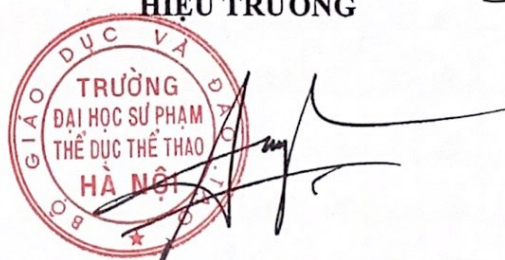
QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Công nhận 123 thí sinh trúng tuyển đã nhập học hệ Đại học Chính quy, liên thông từ Cao đẳng lên Đại học, khoá 14 (đợt 1), ngành Giáo dục Thể chất, năm 2020 là sinh viên của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông, bà Trưởng phòng Quản lý Đào tạo & CTSV, Kế hoạch-Tài chính, các Phòng, Khoa có liên quan và các thí sinh trúng tuyển chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

* Nơi nhận : 

- Như Điều 2
- Phòng QLĐT & CTSV, KH-TC
- Lưu HC-TH

HIỆU TRƯỞNG


TS. Nguyễn Duy Quyết

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC - TUYỂN SINH 2020
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC

TUYỂN SINH ĐỢT 1

Trang **1**

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM CÁC MÔN			TỔNG ĐIỂM	ĐT ƯT	KHU VỰC ƯT	KẾT QUẢ		
					LL&PP GDTC	SINH LÝ TDTT	NĂNG KHIẾU						
1	Nguyễn Thị An	001	Nữ	05/02/1988	7,00	8,00	10,0	25,0	07	2	ĐỖ		
2	Đỗ Thế Anh	002	Nam	08/01/1982	6,00	6,50	6,5	19,0	07	2	ĐỖ		
3	Đỗ Thị Kim Anh	003	Nữ	20/06/1974	7,00	8,00	6,5	21,5	07	2	ĐỖ		
4	Lê Tuấn Anh	004	Nam	19/08/1994	6,00	7,50	10,0	23,5	07	2	ĐỖ		
5	Lê Văn Anh	005	Nam	03/10/1988	7,00	8,00	9,5	24,5	07	2	ĐỖ		
6	Ta Thị Hồng Anh	006	Nữ	06/08/1976	7,50	7,50	6,0	21,0	07	2	ĐỖ		
7	Nguyễn Thị Bích	007	Nữ	22/01/1982	6,00	8,00	8,0	22,0	07	2	ĐỖ		
8	Ta Thị Bình	008	Nữ	10/10/1979	7,00	8,50	7,0	22,5	07	2	ĐỖ		
9	Nguyễn Thị Thanh Bình	009	Nữ	20/06/1976	7,00	7,50	5,5	20,0	07	2NT	ĐỖ		
10	Đỗ Minh Bửu	010	Nam	14/04/1979	7,00	6,50	9,5	23,0	07	2	ĐỖ		
11	Lê Thị Hà Chi	011	Nữ	23/12/1990	7,00	8,00	10,0	25,0	07	2	ĐỖ		
12	Nguyễn Thị Chung	012	Nữ	12/11/1980	8,00	7,50	6,5	22,0	07	2	ĐỖ		
13	Vương Văn Cường	013	Nam	12/04/1976	6,00	7,00	9,0	22,0	07	2	ĐỖ		
14	Đàm Văn Cường	014	Nam	05/12/1980	8,00	8,50	10,0	26,5	07	2	ĐỖ		
15	Bùi Đình Đạo	015	Nam	20/05/1987	7,00	8,50	10,0	25,5	07	2	ĐỖ		
16	Nguyễn Thế Diệp	016	Nam	21/08/1987	7,00	7,50	9,0	23,5	07	2	ĐỖ		
17	Ngô Duy Đông	017	Nam	11/04/1979	7,50	8,00	7,5	23,0	07	2NT	ĐỖ		
18	Phạm Tiến Dũng	018	Nam	27/10/1979	8,00	8,50	8,5	25,0	07	2	ĐỖ		
19	Đặng Thị Hồng Duyên	020	Nữ	15/07/1980	7,00	8,00	6,5	21,5	07	2	ĐỖ		
20	Phượng Thị Hương Giang	021	Nữ	01/11/1981	8,00	8,00	8,0	24,0	07	1	ĐỖ		
21	Ngô Trường Giang	022	Nam	24/05/1985	7,00	7,50	9,5	24,0	07	2	ĐỖ		
22	Nguyễn Trường Giang	023	Nam	07/06/1981	7,00	7,50	10,0	24,5	07	2	ĐỖ		

* GHI CHÚ : ĐIỂM NĂNG KHIẾU CHƯA TÍNH HỆ SỐ 2. *Uu*

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC - TUYỂN SINH 2020
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC

TUYỂN SINH ĐỢT 1

Trang **2**

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM CÁC MÔN			TỔNG ĐIỂM	ĐT UT	KHU VỰC UT	KẾT QUẢ		
					LL&PP GĐTC	SINH LÝ TĐTT	NĂNG KHIẾU						
23	Phạm Hồng Ngân Hà	024	Nữ	27/08/1982	7,00	7,00	9,5	23,5	07	2	ĐỖ		
24	Trần Thị Hà	025	Nữ	16/03/1991	8,00	8,00	8,0	24,0	07	2	ĐỖ		
25	Nguyễn Thế Hải	027	Nam	01/07/1977	6,00	6,00	6,5	18,5	07	2	ĐỖ		
26	Đào Thị Hằng	028	Nữ	17/08/1981	8,00	8,00	8,0	24,0	07	2	ĐỖ		
27	Hồ Thị Thúy Hằng	029	Nữ	20/04/1986	8,00	7,50	8,5	24,0	07	2	ĐỖ		
28	Đỗ Thị Hằng	030	Nữ	09/03/1983	8,00	8,00	8,0	24,0	07	2	ĐỖ		
29	Nguyễn Thị Thu Hằng	031	Nữ	29/09/1972	5,00	7,00	6,0	18,0	07	2	ĐỖ		
30	Nguyễn Thị Hằng	032	Nữ	10/06/1984	7,00	8,50	5,5	21,0	07	2	ĐỖ		
31	Nguyễn Thị Hằng	033	Nữ	10/09/1992	6,00	8,50	9,0	23,5	07	2	ĐỖ		
32	Nguyễn Xuân Hào	034	Nam	06/02/1991	6,00	7,50	9,0	22,5	07	2	ĐỖ		
33	Mai Thị Hiền	036	Nữ	25/11/1983	7,00	7,50	7,0	21,5	07	2	ĐỖ		
34	Nguyễn Thị Hiền	037	Nữ	07/03/1979	6,00	6,00	6,0	18,0	07	2	ĐỖ		
35	Đặng Thị Thu Hiền	038	Nữ	10/11/1982	8,00	8,50	7,0	23,5	07	2NT	ĐỖ		
36	Danh Thị Hoa	039	Nữ	22/10/1989	7,00	8,50	8,5	24,0	07	2	ĐỖ		
37	Bùi Đức Hoan	040	Nam	05/05/1991	6,00	7,50	10,0	23,5	07	2	ĐỖ		
38	Nguyễn Thị Hoàn	041	Nữ	01/05/1988	8,00	8,50	8,0	24,5	07	2	ĐỖ		
39	Quản Ngọc Hoàng	042	Nam	22/12/1988	6,00	8,00	7,0	21,0	07	2	ĐỖ		
40	Lê Thị Hồng	043	Nữ	02/08/1978	7,00	8,50	7,5	23,0		2	ĐỖ		
41	Hà Thị Huệ	044	Nữ	24/10/1976	8,00	8,50	8,5	25,0	07	1	ĐỖ		
42	Bùi Thị Kim Huệ	045	Nữ	08/12/1980	8,00	8,50	5,5	22,0	07	2	ĐỖ		
43	Phạm Quang Hưng	046	Nam	26/09/1979	6,50	8,50	9,0	24,0	07	1	ĐỖ		
44	Nguyễn Ngọc Hưng	047	Nam	29/09/1989	7,00	8,50	8,5	24,0	07	2	ĐỖ		

* GHI CHÚ : ĐIỂM NĂNG KHIẾU CHƯA TÍNH HỆ SỐ 2. *Uh*

TUYỂN SINH ĐỢT 1

Trang **3**

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM CÁC MÔN			TỔNG ĐIỂM	ĐT ƯT	KHU VỰC ƯT	KẾT QUẢ		
					LL&PP GOTC	SINH LÝ TDTT	NĂNG KHIẾU						
45	Phạm Thị Hương	048	Nữ	02/03/1977	8,00	8,00	6,0	22,0	07	2	ĐỖ		
46	Đào Thị Hương	049	Nữ	20/06/1980	6,00	7,00	9,0	22,0	07	2	ĐỖ		
47	Lê Thị Hương	050	Nữ	10/10/1981	7,00	8,50	6,0	21,5	07	2	ĐỖ		
48	Vũ Thị Hương	051	Nữ	25/10/1991	7,00	8,50	9,0	24,5	07	2	ĐỖ		
49	Kiều Bá Kiên	052	Nam	12/10/1985	6,00	7,50	10,0	23,5	07	2	ĐỖ		
50	Đặng Thị Lan	053	Nữ	30/05/1982	6,00	6,00	7,0	19,0	07	2	ĐỖ		
51	Vũ Thị Lân	054	Nữ	16/05/1976	7,00	7,50	6,0	20,5	07	2	ĐỖ		
52	Nguyễn Thị Liễu	056	Nữ	19/04/1993	7,00	8,00	10,0	25,0		2	ĐỖ		
53	Nguyễn Mỹ Linh	057	Nam	20/10/1979	5,00	5,50	7,5	18,0	07	2	ĐỖ		
54	Vương Hải Long	058	Nam	15/04/1976	6,00	7,50	9,5	23,0	07	2	ĐỖ		
55	Lương Cẩm Ly	059	Nữ	21/04/1984	7,00	8,00	9,0	24,0	07	2	ĐỖ		
56	Chu Thị Tuyết Mai	060	Nữ	12/11/1989	7,00	7,50	9,5	24,0	07	2	ĐỖ		
57	Lê Đức Minh	061	Nam	21/10/1978	7,00	8,50	10,0	25,5	07	2	ĐỖ		
58	Phạm Thị Minh	062	Nữ	05/09/1989	8,00	8,50	9,0	25,5	07	2	ĐỖ		
59	Đỗ Thị Phương Nam	063	Nữ	01/08/1981	7,00	7,50	10,0	24,5	07	2	ĐỖ		
60	Nguyễn Văn Nam	064	Nam	22/12/1992	7,00	8,00	9,0	24,0		1	ĐỖ		
61	Bùi Thị Nết	065	Nữ	20/07/1978	8,00	8,50	9,0	25,5	07	2	ĐỖ		
62	Bùi Thị Nga	066	Nữ	07/05/1990	8,00	8,00	7,5	23,5	07	2	ĐỖ		
63	Nguyễn Thị Thúy Nga	067	Nữ	30/03/1987	7,00	8,00	10,0	25,0	07	2	ĐỖ		
64	Nguyễn Thị Ngọc	068	Nữ	12/02/1979	7,00	8,00	8,0	23,0	07	2	ĐỖ		
65	Nguyễn Thị Hồng Nhung	069	Nữ	31/07/1984	6,00	8,00	9,0	23,0	07	2	ĐỖ		
66	Nguyễn Thị Nhung	070	Nữ	22/02/1974	8,00	8,00	8,5	24,5	07	2	ĐỖ		

* GHI CHÚ : ĐIỂM NĂNG KHIẾU CHƯA TÍNH HỆ SỐ 2. *Uu*

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC - TUYỂN SINH 2020
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC

TUYỂN SINH ĐỢT 1

Trang **4**

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM CÁC MÔN			TỔNG ĐIỂM	ĐT UT	KHU VỰC UT	KẾT QUẢ		
					LL&PP GDTC	SINH LÝ TDTT	NĂNG KHIẾU						
67	Trần Thị Ninh	071	Nữ	01/02/1982	6,00	6,50	8,5	21,0	07	2	ĐỖ		
68	Nguyễn Thị Oanh	072	Nữ	10/07/1979	8,00	8,00	9,5	25,5	07	2	ĐỖ		
69	Hoàng Thị Phương	074	Nữ	19/09/1992	6,00	6,50	9,5	22,0	07	2	ĐỖ		
70	Nguyễn Thị Phương	075	Nữ	01/09/1974	7,00	7,50	9,0	23,5	07	2	ĐỖ		
71	Đỗ Thị Bích Phương	076	Nữ	02/01/1981	6,00	7,00	8,0	21,0	07	2	ĐỖ		
72	Nguyễn Đăng Quang	077	Nam	06/06/1971	7,00	7,50	8,5	23,0	07	2	ĐỖ		
73	Nguyễn Đình Quảng	079	Nam	15/08/1974	7,00	8,00	7,5	22,5	07	2	ĐỖ		
74	Phạm Văn Quảng	080	Nam	01/07/1981	7,00	8,00	10,0	25,0	07	1	ĐỖ		
75	Dương Thị Bảy Quyên	081	Nữ	20/07/1981	7,50	8,00	9,5	25,0	07	2	ĐỖ		
76	Lưu Thị Tân	082	Nữ	23/08/1981	6,50	8,00	9,0	23,5	07	2	ĐỖ		
77	Nguyễn Thị Hồng Thắm	083	Nữ	03/10/1987	7,00	8,50	8,5	24,0	07	2	ĐỖ		
78	Phùng Khắc Thân	084	Nam	25/05/1981	7,00	7,50	10,0	24,5	07	2	ĐỖ		
79	Nguyễn Huy Thắng	085	Nam	01/03/1982	6,00	7,00	7,5	20,5	07	2	ĐỖ		
80	Khuất Thị Thanh	086	Nữ	02/03/1990	7,00	6,50	8,5	22,0	07	3	ĐỖ		
81	Nguyễn Văn Thảo	087	Nam	18/08/1972	6,00	6,50	7,5	20,0	07	2	ĐỖ		
82	Nguyễn Thị Phương Thảo	088	Nữ	26/08/1978	7,00	8,00	9,0	24,0	07	2NT	ĐỖ		
83	Nguyễn Thị Thơm	089	Nữ	25/11/1984	8,00	6,50	9,0	23,5	07	2	ĐỖ		
84	Nguyễn Thị Thía	090	Nữ	27/12/1970	8,00	6,00	8,0	22,0	07	1	ĐỖ		
85	Đào Đức Thọ	091	Nam	19/10/1979	8,00	8,00	10,0	26,0	07	2	ĐỖ		
86	Nguyễn Thị Thọ	092	Nữ	13/09/1979	8,00	8,50	9,0	25,5	07	2	ĐỖ		
87	Đàm Xuân Thọ	093	Nam	02/01/1980	7,00	5,50	8,5	21,0	07	2	ĐỖ		
88	Ngô Thị Sao Thương	095	Nữ	23/12/1991	7,00	8,00	8,5	23,5	07	2	ĐỖ		

* GHI CHÚ : ĐIỂM NĂNG KHIẾU CHƯA TÍNH HỆ SỐ 2. *Uu*

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC - TUYỂN SINH 2020
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC

TUYỂN SINH ĐỢT 1

Trang **5**

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM CÁC MÔN			TỔNG ĐIỂM	ĐT ƯT	KHU VỰC ƯT	KẾT QUẢ		
					LL&PP GDTC	SINH LÝ TDĐT	NĂNG KHIẾU						
89	Nguyễn Thị Thương	096	Nữ	19/09/1992	8,00	8,50	8,5	25,0	07	2	ĐỖ		
90	Nguyễn Thị Thúy	097	Nữ	28/06/1981	6,00	7,00	9,0	22,0	07	2	ĐỖ		
91	Lê Thị Thùy	098	Nữ	15/02/1992	8,00	8,50	9,0	25,5	07	2	ĐỖ		
92	Dương Thị Thủy	099	Nữ	17/07/1985	7,00	8,50	9,0	24,5	07	2	ĐỖ		
93	Nguyễn Thu Thủy	100	Nữ	12/03/1991	8,00	8,00	8,5	24,5	07	2	ĐỖ		
94	Hoàng Thị Thanh Thủy	101	Nữ	07/05/1976	8,00	7,00	8,5	23,5	07	2	ĐỖ		
95	Phạm Thị Thu Thủy	102	Nữ	20/01/1978	7,00	6,50	8,5	22,0	07	2	ĐỖ		
96	Đỗ Bích Thủy	103	Nữ	20/01/1979	7,00	7,50	9,0	23,5	07	2	ĐỖ		
97	Trình Văn Tiến	104	Nam	11/10/1972	5,00	6,00	9,0	20,0	07	1	ĐỖ		
98	Ngô Thị Tinh	105	Nữ	12/06/1979	7,00	8,00	9,5	24,5	07	2	ĐỖ		
99	Nguyễn Thị Tơ	106	Nữ	01/09/1987	8,00	8,50	9,0	25,5	07	2	ĐỖ		
100	Nguyễn Xuân Toàn	107	Nam	09/10/1987	7,00	7,50	10,0	24,5	07	2	ĐỖ		
101	Trần Phương Toàn	108	Nam	16/04/1980	6,00	6,50	10,0	22,5	07	2	ĐỖ		
102	Nguyễn Thị Toàn	109	Nữ	09/09/1979	7,00	7,50	9,0	23,5	07	2	ĐỖ		
103	Nguyễn Việt Tuấn	110	Nam	01/09/1986	7,00	8,00	10,0	25,0	07	2	ĐỖ		
104	Mai Đức Tuấn	111	Nam	12/10/1977	6,00	5,00	10,0	21,0	07	2	ĐỖ		
105	Nguyễn Thanh Tùng	112	Nam	04/11/1988	7,00	8,50	10,0	25,5	07	2	ĐỖ		
106	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	113	Nữ	15/09/1985	7,00	8,00	9,5	24,5	07	2	ĐỖ		
107	Dương Thị Vân	114	Nữ	23/01/1972	7,00	7,50	9,0	23,5	07	2	ĐỖ		
108	Lê Thị Vân	115	Nữ	27/08/1990	8,00	8,50	8,5	25,0	07	2	ĐỖ		
109	Trương Thị Vân	116	Nữ	17/07/1977	7,00	5,50	8,5	21,0	07	2NT	ĐỖ		
110	Phan Hùng Việt	117	Nam	07/06/1987	6,00	7,00	10,0	23,0	07	2	ĐỖ		

* GHI CHÚ: ĐIỂM NĂNG KHIẾU CHƯA TÍNH HỆ SỐ 2. *Ưn*

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC - TUYỂN SINH 2020
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC

TUYỂN SINH ĐỢT 1

Trang **6**

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM CÁC MÔN			TỔNG ĐIỂM	ĐT ƯT	KHU VỰC ƯT	KẾT QUẢ		
					LL&PP GOTC	SINH LÝ TDTT	NĂNG KHIẾU						
111	Vũ Anh Việt	118	Nam	27/04/1993	7,00	8,50	10,0	25,5	07	2	ĐỖ		
112	Duy Thị Vui	119	Nữ	02/08/1978	8,00	8,00	9,5	25,5	07	2	ĐỖ		
113	Lê Thị Kim Xuyên	120	Nữ	10/05/1992	6,00	6,50	8,5	21,0	07	2	ĐỖ		
114	Nguyễn Hoàng Yên	121	Nam	28/06/1976	7,00	6,00	9,5	22,5	07	2	ĐỖ		
115	Nguyễn Thị Yến	122	Nữ	03/07/1974	6,00	8,50	9,0	23,5	07	2	ĐỖ		
116	Nguyễn Hồng Thanh	123	Nữ	20/08/1979	5,00	7,50	9,0	21,5	07	2	ĐỖ		
117	Đinh Thị Thu Hằng	125	Nữ	29/06/1980	8,00	8,50	9,0	25,5	07	3	ĐỖ		
118	Trương Thu Thủy	126	Nữ	24/02/1988	7,00	8,00	9,0	24,0	07	2	ĐỖ		
119	Đoàn Thị Hinh	127	Nữ	10/09/1976	7,00	8,00	9,0	24,0	07	2	ĐỖ		
120	Kiều Thị Mây	128	Nữ	07/01/1989	8,00	8,50	9,0	25,5	07	2	ĐỖ		
121	Kiều Quang Phúc	129	Nam	27/05/1975	7,00	8,50	7,5	23,0	07	2	ĐỖ		
122	Nguyễn Doãn Tuấn	130	Nam	21/04/1984	7,00	8,50	10,0	25,5	07	2	ĐỖ		
123	Nguyễn Thị Phương	131	Nữ	09/06/1991	7,00	8,50	9,0	24,5	07	2	ĐỖ		

TỔNG CỘNG CÓ **123** THÍ SINH NHẬP HỌC.

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Duy Quyết

* GHI CHÚ : ĐIỂM NĂNG KHIẾU CHƯA TÍNH HỆ SỐ 2.